

Số: 22/2020/QĐCNTT-DS

Thanh Trì, ngày 19 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 27; Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 649, điểm a, khoản 1 Điều 650, Điều 651, Khoản 2 Điều 656, Khoản 7 Điều 658, Điều 660, Bộ luật dân sự 2017.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 13, khoản 6 Điều 19, khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30//12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số : 72/2020/DSST ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "Chia thừa kế".

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ứ kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**+Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy D- sinh năm 1956**

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Số 20 H, phường H, quận H, Hà Nội

**Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L- sinh năm 1952**

Hộ khẩu thường trú: Số 45, Ngõ 150 K, phường P, quận Đ, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 20, Dãy D3 khu tập thể H, Ngõ 12 phố N, phường Q, quận H, Hà Nội.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**1-Ông Nguyễn Duy T- sinh năm 1943 (chết năm 2019)**

**2- Bà Ngô Thị Thanh H- sinh năm 1946 (vợ ông T)**

**3-Chị Nguyễn Thanh H- sinh năm 1973 (con ông T)**

**4-Chị Nguyễn Phương L- sinh năm 1978 (con ông T)**

Nơi cư trú: Căn hộ 303 Chung cư 9 tầng, nhà A, Ngõ 64, phố S, phường S, quận L, Hà Nội.

-Bà Ngô Thị Thanh H, chị Nguyễn Thanh H ủy quyền cho chị Nguyễn Phương L làm đại diện ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền số công chứng 1718/2020/GUQ, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/5/2020 tại Văn phòng công chứng L.

**5-Bà Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thanh M)- sinh năm 1954**

Nơi cư trú: 53/14A T, phường T, quận 1, Thành phố H.

- Bà Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thanh M) ủy quyền cho anh Nguyễn Duy H làm đại diện ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền số công chứng 009855, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/5/2020 tại Văn phòng công chứng C.

**6-Bà Nguyễn Thị Kim X- sinh năm 1960**

Nơi cư trú: Số 51 P, phường T, quận Bh, Hà Nội.

**7-Ông Nguyễn Duy H- sinh năm 1955 (chết năm 2013)**

**8- Bà Hoàng Mai H- sinh năm 1957 ( vợ ông H chết năm 2014)**

**9-Chị Nguyễn Hương G- sinh năm 1978 (con ông H)**

Nơi cư trú: Số 20 H, phường H, quận H, Hà Nội.

-Bà Nguyễn Kim X, chị Nguyễn Phương L, chị Nguyễn Hương G ủy quyền cho ông Nguyễn Duy D làm đại diện ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền số công chứng 755/2020 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/5/2020 tại Văn phòng công chứng M.

## **II- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Cụ Nguyễn Duy L sinh năm 1913 (mất năm 1981), cụ Đỗ Thị A sinh năm 1914 (mất năm 2009). Cụ L, cụ A sinh được 06 người con gồm các ông, bà: 1) Nguyễn Duy T (chết năm 2019 có vợ là bà Ngô Thị Thanh H và 02 con là chị Nguyễn Phương L, chị Nguyễn Thanh H), 2) Nguyễn Duy L, 3)Nguyễn Duy D, 4)Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thanh M), 5)Nguyễn Thị Kim X, 6)Nguyễn Duy H (chết năm 2013 có vợ là bà Hoàng Mai H chết năm 2014 có 01 con là chị Nguyễn Hương G). Ngoài những người con có tên ở trên thì cụ L, cụ A không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Duy L, cụ Đỗ Thị A để lại gồm:

Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 02 diện tích 270m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại Xóm C, Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội đã được UBND huyện T, Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Đỗ Thị A có số sổ là: A105141, sổ vào sổ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1333/QSĐĐ/67/09 cấp ngày 18/8/1992.

Ngày 17/7/2020 các đồng thừa kế đã thống nhất đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc lại thửa đất, thửa đất có số đo thực tế cụ thể như sau:

Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 02, diện tích đo thực tế là 222,5m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Xóm C, Thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội.

Ngoài thửa đất nêu trên thì cụ L, cụ A không có di sản thừa kế nào khác để lại.

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy D, bị đơn ông Nguyễn Duy L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh H, chị Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Phương L, bà Nguyễn Thị M( tức Nguyễn Thanh M), bà Nguyễn Thị Kim X, chị Nguyễn Hương G do ông Nguyễn Duy D, anh Nguyễn Duy H làm đại diện ủy quyền thống nhất thỏa thuận chia di sản thừa kế như sau:

**1-Chia cho ông Nguyễn Duy L tổng diện tích 37,1m<sup>2</sup> phía ngoài cùng giáp với nhà chị O, hướng Đông Bắc có tứ cận như sau:**

-Hướng Đông Bắc giáp nhà chị O có chiều dài 8,85m.

-Hướng Tây Bắc giáp nhà ông G có chiều dài 4,31m.

-Hướng Tây Nam giáp với phần đất còn lại của các đồng thừa kế ông D, bà M, bà X, ông T, ông H có chiều dài 8,46m.

-Hướng Đông Nam giáp với ngõ đi chung là 3,48m và có một giáp với thửa đất của 05 đồng thừa kế trên là 0,82m.

**2-Chia cho 05 đồng thừa kế gồm: 1)ông Nguyễn Duy D; 2)bà Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thanh M); 3) ông Nguyễn Duy T (đã chết có vợ bà Ngô Thanh H, chị Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Phương L); 4) ông Nguyễn Duy H (đã chết có vợ bà Hoàng Mai H (Chết) con là chị Nguyễn Hương G); 5)bà Nguyễn Thị Kim Xuân nhận chung kỷ phần thừa kế có tổng diện tích là 185,4m<sup>2</sup> còn lại có tứ cận như sau:**

-Hướng Đông Bắc giáp đất của ông Nguyễn Duy L có chiều dài các cạnh là 8,46m, 0,82m và giáp ngõ đi chung là 2,85m.

-Hướng Tây Bắc giáp đất nhà các ông G, ông V, ông Đ có chiều dài các cạnh là 3,33m, 9,71m, 0,33m.

-Hướng Tây Nam giáp đất nhà các ông Đ, ông D, ông H có chiều dài các cạnh gấp khúc là 7,02m, 3,55m, 1,87m, 4,43m.

-Hướng Đông Nam giáp đất nhà bà H, bà Á và giáp với ngõ đi chung có chiều dài các cạnh là: 2,34m, 3,84m, 3,40m, 9,95m, 1,83m.

**III- Về án phí:** Do các bên đương sự hòa giải thành với nhau nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy D, ông Nguyễn Duy L, bà Nguyễn Thị Kim X, bà Ngô Thị Thanh H (vợ ông T), bà Nguyễn Thị M (tức Nguyễn Thanh M) là những

người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn án phí.

-Chị Nguyễn Hương G có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm một phần án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Hương G phải chịu án phí là 11.343.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Chị Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Phương L có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm một phần án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Phương L mỗi người phải chịu 4.635.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy D được nhận lại số tiền 56.200.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Duy D đã nộp tại biên lai thu số 0006907 ngày 13/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ**  
**Thẩm phán**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện  
Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**Nguyễn Thị Kim Liên**